

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN THI
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 30/2023/HNGĐ-ST

Ngày 22 tháng 9 năm 2023

“ *V/v ly hôn, nuôi con chung* ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Lương Thị Thuỷ**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Quang Chử** - Cán bộ nghỉ hưu

Bà **Dương Thị Thu Hồng** - HPN xã Cẩm Ninh

- *Thư ký phiên toà:* Ông **Nguyễn Tuấn Anh** - Thư ký Toà án huyện Ân Thi

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi tham gia phiên toà:*

Bà **Nguyễn Thị Hảo** - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 46/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2023 về việc Ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 08/9/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Cao Thị X, sinh năm 1980 (*vắng mặt*)

- *Bị đơn:* Anh Phạm Minh P, sinh năm 1978 (*vắng mặt*)

- *Người có quyền lợi liên quan:* Cháu Phạm Minh Hoàng A, sinh năm 2008

- *Người đại diện cho cháu Hoàng A1:* Chị X, anh P

Nơi cư trú: Phố P, thị trấn Ân, huyện Ân, Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai của chị Cao Thị X, anh Phạm Minh P trong quá trình tố tụng thể hiện:

Chị X và anh P có thời gian tìm hiểu khoảng 1 năm thì tiến đến hôn nhân, anh chị lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện K vào ngày 18/02/2004. Sau khi kết hôn anh chị sống cùng nhau ở quê nhà anh P tại xã N, huyện K được khoảng 8 năm thì chuyển về Ân Thi sinh sống.

Quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng vui vẻ, hạnh phúc, thời gian sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị X là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, anh chị hay xích mích về những chuyện nhỏ, anh P hay uống rượu với bạn bè và sau khi uống rượu về thì hành hung sỉ nhục chị. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau ảnh hưởng đến hàng xóm, chị và gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng anh P tính vẫn đầu vào đó, không thay đổi. Chị đã từng làm đơn ly hôn nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng hàn gắn. Tuy nhiên, anh P không sửa đổi, thường xuyên xúc phạm. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị lo sợ bất an nên yêu cầu Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh P.

Còn theo anh P nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do năm 2012 khi anh và chị X chuyển về thị trấn A sinh sống, thời gian này kinh tế gia đình khó khăn, việc làm ăn không thuận lợi nên phải bán đất ở K trả nợ. Hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ là do áp lực cuộc sống nên sinh ra cãi nhau. Anh P thừa nhận việc anh hay uống rượu nhưng một phần do chị X coi thường anh. Tháng 6/2023, chị X bỏ về nhà bố mẹ sống, anh có đến đón nhưng chị X không quay về và chặn cả điện thoại không cho anh liên lạc. Nay chị X yêu cầu ly hôn anh không đồng ý và hứa thay đổi, mong gia đình đoàn tụ vì con.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phạm Minh H, sinh năm 2004 và Phạm Minh Hoàng A, sinh năm 2008. Hiện cháu H đã trên 18 tuổi nên anh chị không đề nghị Toà án giải quyết. Còn cháu Hoàng A1, vợ chồng ly hôn chị X đề nghị được nuôi cháu vì cháu còn đang tuổi ăn học cần có chị kèm cặp, chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con. Còn quan điểm của anh P, nếu chị X kiên quyết ly hôn thì anh nhất trí theo nguyện vọng của con.

Về tài sản, công nợ: Anh P, chị X không yêu cầu toà án giải quyết.

Lời khai của người có quyền lợi liên quan:

Cháu Phạm Minh Hoàng A cho biết quá trình sống cùng bố mẹ, cháu thấy bố và mẹ thường xuyên cãi nhau, bố hay đánh mẹ, bố hay uống rượu say về làm phiền mẹ và cháu. Lý do bố mẹ cãi nhau và xô xát cháu còn nhỏ nên không rõ. Việc bố mẹ xô xát có bà nội ở cùng can ngăn và yêu cầu bố mẹ ngồi nói chuyện với nhau thì mọi việc tạm yên, sau đó sự việc vẫn lặp lại, bà không khuyên nhủ được bố. Nếu bố mẹ không ở với nhau nữa, cháu muốn ở với mẹ vì mẹ quan tâm anh em cháu. Bố thường xuyên uống rượu về muộn, việc học của cháu bố cũng ít quan tâm.

Lời khai của người làm chứng:

Chị Cao Thị H1 là em gái của chị X cho biết: chị X hay tâm sự với chị chuyện anh P hay rượu chè đàn đúm và mang nợ về nhà. Anh P bán nhà ở K để trả nợ và về Ân Thi thuê nhà để ở. Thương con nên bố mẹ chị có cho ở nhờ trên đất của bố mẹ chị. Anh P thường uống rượu về rồi sinh sự với chị X. Có lần anh P còn pha giấm vào nước và bắt chị X uống, dọa chị ấy. Do lo sợ nên chị X đưa con về nhà bố mẹ chị ở. Nay chị X yêu cầu ly hôn, việc này chị X tự quyết định, gia đình không can thiệp. Nếu chị X ly hôn chị đề nghị Toà án giao cháu Hoàng A1 cho chị X nuôi, gia đình chị sẽ giúp đỡ chị X chăm sóc cháu tốt nhất.

Xác minh tại địa phương:

Theo ông Doãn Văn H2 - Phó khu phố Phạm Ngũ L cung cấp: Chị X và anh P sinh hoạt và cư trú tại khu phố P, thị trấn A. Qua nắm bắt thông tin thì vợ chồng có mâu thuẫn từ lâu. Đã có thời gian vợ đã gửi đơn ra toà án nhưng sau đó lại quay về với nhau. Việc vợ chồng mâu thuẫn cụ thể như thế nào ông cũng không nắm được. Về con chung: vợ chồng X, P có hai con trai chung, hiện một cháu đã lớn đi học đại học trên Hà Nội còn cháu nhỏ đang sống cùng vợ chồng.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48,51 BLTTDS trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73, 78 BLTTDS.

* Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi:

Về căn cứ pháp luật: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 238 BLTTDS; Khoản 1 Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình Đ a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chị X và anh P có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên vào ngày 18/02/2004. Do đó hôn nhân giữa chị X và anh P là hợp pháp. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chị X, anh P chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P đàn đúm bạn bè bia, rượu về hành hung cũng như sỉ nhục chị X gia đình đã nhiều lần khuyên bảo. Đầu năm 2023 chị X đã làm đơn yêu cầu ly hôn sau đó Tòa án đã tiến hành hòa giải chị đã rút đơn ngày 13/3/2023 Tòa án nhân dân huyện Ân Thi đã ra quyết định đình chỉ để cho anh P cơ hội sửa chữa nhưng anh P không thay đổi. Từ tháng 06/2023 chị X đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã Q đẻ ở. Tình cảm vợ chồng giữa chị X và anh P không còn, mặt khác quá trình Tòa án tiến hành hòa giải anh P không đồng ý ly hôn nhưng anh đưa ra giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị X không chấp nhận vẫn cương quyết ly hôn. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị X và anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy có đủ căn cứ để xử cho chị X ly hôn anh P,

- Về con chung: Có 02 cháu là cháu Phạm Minh H sinh năm 2004 và cháu Phạm Minh Hoàng A sinh năm 2008. Cháu H đã thành niên còn cháu A hiện đang ở với chị X. Vợ chồng ly hôn, chị X có quan điểm nuôi dưỡng cháu Hoàng A1 và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, anh P có quan điểm sẽ tôn trọng ý kiến của cháu Hoàng A1. Quá trình thụ lý và giải quyết Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu Hoàng A1 nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy đây là nguyện vọng chính đáng của các đương sự, thể hiện được trách nhiệm của các bậc làm cha, làm mẹ. Nên giao cho chị X nuôi dưỡng cháu Hoàng A1, chị X không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự. Anh P có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản, công sức, công nợ: Do các đương sự không có yêu cầu đề nghị gì nên không xem xét giải quyết. Chị X phải chịu án phí DSST theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn là chị Cao Thị X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Phạm Minh P và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đều cư trú tại phố P, thị trấn A, huyện A, tỉnh Hưng Yên nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý, giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên toà, chị X, anh P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án theo quy định chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Về việc kết hôn: Chị X và anh P xây dựng vợ chồng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện K vào năm 2004, đảm bảo các điều kiện về kết hôn. Do vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Khi một bên có yêu cầu ly hôn sẽ áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự cũng như người làm chứng là chị H1 đều thừa nhận việc vợ chồng chị X, anh P có mâu thuẫn, về nguyên nhân mâu thuẫn thì chị X và anh P mỗi người đều đưa ra lý do khác nhau nhưng một thời gian dài vợ chồng không khắc phục được. Tháng 6/2023 vợ chồng ly thân, chị X đã bỏ về nhà bố mẹ sống. Chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị kiên quyết ly hôn anh P. Còn anh P mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng bản thân anh không thay đổi cách sống và cũng không có giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh P và chị X đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X là phù hợp với thực tế cuộc sống vợ chồng và phù hợp với pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Minh H sinh năm 2004 và Phạm Minh Hoàng A sinh năm 2008. Cháu H đã thành niên còn cháu Hoàng A1 hiện đang ở với chị X. Vợ chồng ly hôn, chị X đề nghị được nuôi dưỡng cháu Hoàng A1, chị không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, cháu Hoàng A1 cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, anh P tôn trọng ý kiến của cháu Hoàng A1. Do vậy, sẽ giao con chung là cháu Hoàng A1 cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, anh P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị X vì chị X không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Chị X, anh P không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị X phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 238, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị X, xử cho chị X được ly hôn anh Phạm Minh P.

2. Về con chung: Giao cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Phạm Minh Hoàng A sinh năm 2008 cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị X. Sau khi ly hôn, anh P có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị X phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị X đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003193 ngày 02/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị X đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ân Thi;
- UBND xã Ngọc Thanh, Kim Động (GCNKH số 11/Q1 ngày 18/02/2004);
- Chi cục THADS huyện Ân Thi;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Thuỷ